

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kế toán tài chính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **VŨ NGỌC HUYỀN**

2. Ngày tháng năm sinh: 23/11/1977; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Nam Hồng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Nhà số 18, ngõ 103 Phố Ngô Xuân Quảng, Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 02438766118; Điện thoại di động: 0912462260;

E-mail: vnhuyen@vnua.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

(1) Từ tháng 10 năm 2000 đến tháng 4 năm 2001: Lao động hợp đồng, Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường ĐH Nông nghiệp I (Nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam);

(2) Từ tháng 5 năm 2001 đến tháng 4 năm 2002: Giảng viên Khoa Kinh tế và PTNT, Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Nông nghiệp I (Nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam);

(3) Từ tháng 4 năm 2002 đến tháng 12 năm 2006: Giảng viên Khoa Kinh tế và PTNT, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường ĐH Nông nghiệp I (Nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam);

- (4) Từ tháng 2 năm 2005 đến tháng 7 năm 2005: Học tiếng Anh theo Chương trình học bổng của Ford Việt Nam tại Trường Đại học Nông Lâm Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- (5) Từ tháng 12 năm 2006 đến tháng 3 năm 2009: Học thạc sỹ ngành Kinh tế nông nghiệp tại Đại học quốc gia Philippines (UPLB);
- (6) Từ tháng 3 năm 2009 đến tháng 9 năm 2009: Giảng viên Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (Nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam);
- (7) Từ tháng 3 năm 2009 đến tháng 5 năm 2009: Bồi dưỡng chuyên môn tại Đại học WINCONSIN, Hoa Kỳ;
- (8) Từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 2 năm 2012: Giảng viên Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Phó Trưởng phòng Công tác chính trị và Công tác sinh viên, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (Nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam);
- (9) Từ tháng 3 năm 2011 đến tháng 3 năm 2013: Học cao cấp Lý luận chính trị - Hành chính tại Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh;
- (10) Từ tháng 5 năm 2011 đến tháng 2 năm 2012: Giảng viên Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Ủy viên Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy, Phó Trưởng phòng Công tác chính trị và Công tác sinh viên, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (Nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam);
- (11) Từ tháng 11 năm 2011 đến tháng 3 năm 2017: Nghiên cứu sinh ngành Kinh tế phát triển tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam;
- (12) Từ tháng 02 năm 2012 đến tháng 3 năm 2014: Giảng viên Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Ủy viên Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy, Trưởng phòng Công tác chính trị và Công tác sinh viên, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (Nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam);
- (13) Từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 8 năm 2012: Thực tập sinh tại Đại học Louvain la Neuve, Vương Quốc Bỉ;
- (14) Từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 5 năm 2015: Giảng viên Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Ủy viên Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy, Trưởng ban Công tác chính trị và Công tác sinh viên, Học viện Nông nghiệp Việt Nam;
- (15) Từ tháng 5 năm 2015 đến tháng 12 năm 2016: Giảng viên Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Trưởng ban Công tác chính trị và Công tác sinh viên, Giám đốc Trung tâm Tư vấn việc làm và Hỗ trợ sinh viên, Học viện Nông nghiệp Việt Nam;
- (16) Từ tháng 8 năm 2015 đến Nay: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng bộ Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội (Khóa II và Khóa III);
- (17) Từ tháng 5 năm 2015 đến tháng 10 năm 2016: Giảng viên Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Trưởng ban Công tác chính trị và Công tác sinh viên, Giám đốc Trung tâm Tư vấn việc làm và Hỗ trợ sinh viên, Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

(18) Từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 5 năm 2018: Giảng viên Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Trưởng ban Công tác chính trị và Công tác sinh viên, Giám đốc Trung tâm Cung ứng Nguồn nhân lực, Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

(19) Từ tháng 4 năm 2018 đến Nay: Giảng viên chính;

(20) Từ tháng 5 năm 2018 đến tháng 01 năm 2020: Giảng viên chính Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy, Phó Trưởng khoa Lý luận chính trị và Xã hội, Giám đốc Trung tâm Cung ứng Nguồn nhân lực, Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

(21) Từ tháng 2 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021: Giảng viên chính, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy; Phó Giám đốc Học viện, Ủy viên Hội đồng Học viện khóa II, nhiệm kỳ 2021 – 2026, Giám đốc Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực của Học viện;

(22) Từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 10 năm 2022: Giảng viên chính, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy; Phó Giám đốc Học viện, Ủy viên Hội đồng Học viện khóa II, nhiệm kỳ 2021 – 2026, Giám đốc Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực của Học viện; Phụ trách Trưởng Khoa Cơ Điện;

(23) Từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023: Giảng viên chính, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy; Phó Giám đốc Học viện, Ủy viên Hội đồng Học viện khóa II, nhiệm kỳ 2021 – 2026, Giám đốc Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển và Dịch vụ Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

(24) Từ tháng 3 năm 2023 đến Nay: Giảng viên chính, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy; Phó Giám đốc Học viện, Phó Chủ tịch phụ trách Hội đồng Học viện khóa II, nhiệm kỳ 2021 – 2026, Giám đốc Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển và Dịch vụ Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Chức vụ hiện nay: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng bộ Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội khóa III, nhiệm kỳ 2020 – 2025; Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy khóa XXX, nhiệm kỳ 2020 – 2025; Phó Giám đốc Học viện Nhiệm kỳ 2021 - 2026, Phó Chủ tịch phụ trách Hội đồng Học viện khóa II, nhiệm kỳ 2021 – 2026; Bí thư Chi bộ, Giám đốc Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển và Dịch vụ Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự Học viện.

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng ban Công tác chính trị và Công tác sinh viên, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02438276346

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 10 tháng 10 năm 2000; số văn bằng: 0252027; ngành: Kinh tế Nông nghiệp, chuyên ngành: Kế toán Tài chính; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Nông nghiệp I.
- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 25 tháng 4 năm 2009; ngành: Kinh tế Nông nghiệp; Nơi cấp bằng Thạc sỹ: Trường Đại học quốc gia Philippines Los Banos (UPLB), Philippines; đã được Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là Bằng tốt nghiệp Thạc sỹ ngày 06 tháng 01 năm 2015;
- Được cấp bằng Tiến sỹ ngày 12 tháng 7 năm 2017; số văn bằng: 007218; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế phát triển; Nơi cấp bằng Tiến sỹ: Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng 1: Các nghiên cứu về khía cạnh cầu của người tiêu dùng:** Tập trung nghiên cứu về thị hiếu và sự sẵn lòng chi trả của người tiêu dùng cho các thuộc tính của bảo hiểm y tế, tài chính, nguồn lực con người, tài nguyên môi trường.
- **Hướng 2: Các nghiên cứu về khía cạnh cung của người sản xuất và chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp, nông dân, nông thôn:** Đo lường hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu vào của nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp; Sinh kế nông hộ và tác động của chính sách đến sinh kế nông hộ cũng như phát triển kinh tế nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 12 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 03;
- Đã công bố (số lượng) 41 bài báo khoa học, trong đó 24 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 03, trong đó 03 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở: Đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở 6 năm từ 2017 – 2022;

- Bằng khen: Thủ tướng Chính phủ (2015), Bộ trưởng Bộ GD-ĐT, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm 9 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018	0	0	0	11	135	0	135/403,7/67,5
2	2018-2019	0	0	0	7	90	30	120/304,3/216
3	2019-2020	0	0	2	4	135	60	195/440,3/121,5
03 năm học cuối								
4	2020-2021	0	0	3	3	90	30	120/366/54
5	2021-2022	0	0	2	5	90	30	120/389,5/54
6	2022-2023	0	0	5	5	90	0	90/455,1/54

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ☒ ThS ☐ hoặc luận án TS hoặc ☐ TSKH; tại nước: Philippines năm 2009

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Vũ Thị Liên		X		X	9/2018-12/2019	HVN	16/12/2019; QĐ số 4623/QĐ-HVN ngày 9/12/2019
2	Bùi Đình Trường		X	X		12/2018-9/2020	HVN	15/9/2020; QĐ số 2857/QĐ-HVN ngày 13/8/2020
3	Nguyễn Văn Hảo		X	X		11/2019-02/2021	HVN	25/2/2021; QĐ số 737/QĐ-HVN ngày 5/2/2021
4	Nguyễn Huyền Phương		X	X		10/2019-02/2021	HVN	25/2/2021; QĐ số 737/QĐ-HVN ngày 5/2/2021
5	Nông Văn Tuyển		X	X		11/2019-5/2021	HVN	20/5/2021; QĐ số 2211/QĐ-HVN ngày 13/5/2021
6	Trần Nam Trung		X	X		9/2020-7/2022	HVN	25/8/2022; QĐ số 4217/QĐ-HVN ngày 29/7/2022
7	Trần Mạnh Hoàn		X	X		9/2020-7/2022	HVN	25/8/2022;

								QĐ số 4217/QĐ-HVN ngày 29/7/2022
8	Trần Thị Lan		X	X		6/2021- 9/2022	HVN	20/9/2022; QĐ số 4986/QĐ-HVN ngày 6/9/2022
9	Nguyễn Huy Thắng		X	X		10/2021- 9/2022	HVN	20/9/2022; QĐ số 4986/QĐ-HVN ngày 6/9/2022
10	Phạm Thị Hải Yến		X	X		6/2021- 9/2022	HVN	20/9/2022; QĐ số 4986/QĐ-HVN ngày 6/9/2022
11	Đỗ Ngọc Huy		X	X		10/2021- 9/2022	HVN	20/9/2022; QĐ số 4986/QĐ-HVN ngày 6/9/2022
12	Trịnh Thị Thúy		X	X		10/2021- 12/2022	HVN	30/12/2022; QĐ số 7432/QĐ-HVN ngày 27/12/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Bài tập Kế toán Hành chính sự nghiệp	GT	Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2015	3			
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Khởi nghiệp HTX Nông nghiệp	TK	NXB Giáo dục, 2020	3	Chủ biên		
2	Bài tập Tổ chức kế toán trong doanh nghiệp	GT	Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2023	4			

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	ĐT: Đánh giá tình hình chăn nuôi lợn thịt tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	CN	Số 03/2002/KHCN -XNHTĐT; Cấp Trường (do dự án Việt - Bỉ tài trợ)	12/3/2002 - 10/3/2003	Xác nhận Số 03/2002/KHCN-XNHTĐT ngày 15/5/2003 của Hiệu trưởng; Xếp loại Khá
2	ĐT: Các giải pháp nâng cao hiệu quả lao động tại Nhà máy May I, Công ty Dệt May Hà Nội	CN	T2004-05-88; Cấp Trường	24/5/2004 - 29/4/2005	Xác nhận Số 88/2004/KHCN-XNHTĐT ngày 25/5/2005 của Hiệu trưởng; Xếp loại Khá
3	ĐT: Tình hình thực hiện Luật thuế GTGT của doanh nghiệp trên địa bàn huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	CN	T2006-05-43; Cấp Trường	23/3/2006 - 17/3/2007	Xác nhận hoàn thành ngày 20/4/2007 của Hiệu trưởng; Xếp loại Khá
II	Sau khi được công nhận TS				
TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/P CN/T K	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm), QĐ số?
4	CT: Tập huấn Khởi nghiệp cho cán bộ trẻ làm việc trong các hợp tác xã nông nghiệp	CN	Cấp Bộ	Năm 2018	QĐ 1801/QĐ BNN-KTHT ngày 21/5/2018 của Bộ NN và PTNT phê duyệt kế hoạch hỗ trợ bồi dưỡng cán bộ quản lý và thành viên HTX
5	CT: Tập huấn cho cán bộ HTX, thành viên HTX nông nghiệp về trồng rau công nghệ cao	CN	Cấp Bộ	Năm 2018	QĐ 1801/QĐ BNN-KTHT ngày 21/5/2018 của Bộ NN và PTNT phê duyệt kế hoạch hỗ

					trợ bồi dưỡng cán bộ quản lý và thành viên HTX
6	CT: Tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ HTX, thành viên HTX trước khi đi lao động nước ngoài	CN	Cấp Bộ	Năm 2018	QĐ 304/QĐ-KTHT-HTTT ngày 9/11/2018 về phê duyệt kế hoạch
7	CT: Đào tạo nghề trồng rau an toàn cho lao động đi học tập và lao động ở nước ngoài	CN	Cấp Bộ	Năm 2018	Quyết định số 290a/QĐ-KTHT-GN ngày 23/10/2018 của Cục kinh tế hợp tác và PTNT phê duyệt kế hoạch
8	CT: Xây dựng bài giảng Hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong tổ chức sản xuất rau	CN	Cấp Bộ	Năm 2018	QĐ 1801/QĐ BNN-KTHT ngày 21/5/2018 của Bộ NN và PTNT phê duyệt kế hoạch hỗ trợ bồi dưỡng cán bộ quản lý và thành viên HTX
9	CT: Xây dựng tài liệu tập huấn khởi nghiệp HTX nông nghiệp	CN	Cấp Bộ	Năm 2019	Quyết định số 310/QĐ-KTHT-HTTT ngày 19/8/2019 của Cục Kinh tế hợp tác và
10	CT: Tập huấn bồi dưỡng khởi nghiệp cho cán bộ HTX nông nghiệp	CN	Cấp Bộ	Năm 2019	PTNT về việc phê duyệt kế hoạch triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ bồi dưỡng cán bộ HTX; Biên bản nghiệm thu tháng 12 năm 2019.
11	CT: Đào tạo nghề trồng lúa hữu cơ tại xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CN	Cấp Bộ	Năm 2019	Quyết định số 57/QĐ-KTHT-NNNT ngày 29/3/2019 của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT
12	CT: Đào tạo nghề chăn nuôi tại xã Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	CN	Cấp Bộ	Năm 2019	về phê duyệt phương án mở lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho LDNT năm 2019; Biên
13	CT: Đào tạo nghề trồng cây có múi tại xã Kiêu Ky, Gia Lâm, Hà Nội	CN	Cấp Bộ	Năm 2019	bản nghiệm thu tháng 12 năm 2019.
14	CT: Tập huấn cho cán bộ tỉnh, huyện, xã tổ chức triển khai dự án sản xuất	CN	Cấp Bộ	Năm 2019	Quyết định số 224/QĐ-KTHT-GN ngày 28/6/2019 của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT về việc phê duyệt kế

	nông nghiệp dinh dưỡng tại mô hình điểm				hoạch tập huấn; Biên bản nghiệm thu ngày 16/12/2019.
15	CT: Xây dựng tiêu chí đánh giá về sản xuất và thu nhập của người dân để lập kế hoạch sản xuất	CN	Cấp Bộ	Năm 2019	Quyết định số 224a/QĐ-KTHT-GN ngày 28/6/2019 của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT về việc phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chí đánh giá; biên bản nghiệm thu ngày 9/12/2019.
16	CT: Xây dựng Sổ tay hướng dẫn xây dựng dự án sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng	CN	Cấp Bộ	Năm 2019	Quyết định số 225/QĐ-KTHT-GN ngày 28/6/2019 của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT về việc phê duyệt kế hoạch xây dựng sổ tay; Biên bản nghiệm thu ngày 10/12/2019.
17	CT: Đánh giá việc triển khai xây dựng mô hình điểm tại Lào Cai, Quảng Ngãi, Trà Vinh	CN	Cấp Bộ	Năm 2019	Quyết định số 421a/QĐ-KTHT-GN ngày 15/11/2019 của Cục kinh tế hợp tác và PTNT phê duyệt đề cương đánh giá. Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu báo cáo đánh giá việc triển khai mô hình NNDD ngày 27/12/2019.
18	CT: Tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng các huyện (Mường Nhé, Mường Chà, Nậm Pồ) thuộc Chương trình 135 năm 2019	CN	Cấp tỉnh	Năm 2019	Hợp đồng thực hiện gói thầu số 375/HĐKT ngày 02/8/2019; Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng ngày 15/11/2019.
19	CT: Hội thảo quốc gia “Tiếp cận cơ sở dữ liệu trực tuyến các nghiên cứu nông nghiệp trên toàn cầu”	CN	FAO Việt Nam	Năm 2019	Hợp đồng kinh tế số 06.11.2019/HĐ- CUNNL; Biên bản nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng ngày 18/11/2019.

20	CT: Hội thảo “Định hướng về giải pháp hỗ trợ sinh kế cho người nghèo giai đoạn 2021- 2025”	CN	Cấp Bộ	Năm 2020	Hợp đồng ngày 14/11/2020 giữa Care và Trung tâm cung ứng nguồn nhân lực, HVNNVN.
21	CT: Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2020	CN	Cấp Bộ	Năm 2020	Quyết định số 30/QĐ-KTHT-NNNT ngày 8/4/2020 của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT 2020.
22	CT: Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về lao động nông nghiệp, đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn phục vụ thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia trong giai đoạn tới	CN	Cấp Bộ	Năm 2020	Quyết định số 88/QĐ-KTHT-NNNT ngày 21/5/2020 của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT phê duyệt đề cương kế hoạch; nghiệm thu theo Quyết định số 450/QĐ-KTHT-NNNT ngày 31/12/2020 của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ.
23	CT: Tập huấn Khởi nghiệp hợp tác xã nông nghiệp	CN	Cấp Bộ	Năm 2020	Quyết định số 208/QĐ-KTHT-HTTT ngày 25/6/2020 của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT phê duyệt kế hoạch thực hiện; Biên bản nghiệm thu ngày 30/12/2020.
24	CT: Tập huấn cho cán bộ (tỉnh, huyện, xã) triển khai xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	CN	Cấp Bộ	Năm 2020	Quyết định số 219/QĐ-KTHT-GN ngày 26/6/2020 của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT phê duyệt kế hoạch tập huấn; Biên bản nghiệm thu nhiệm vụ ngày 30/12/2020.
25	CT: Tập huấn về xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng cho tổ hợp tác/hợp tác xã xây dựng	CN	Cấp Bộ	Năm 2020	Quyết định số 219/QĐ-KTHT-GN ngày 26/6/2020 của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT phê duyệt kế hoạch tập huấn; Biên bản nghiệm thu nhiệm vụ ngày 30/12/2020.

	dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng				
26	CT: Xây dựng Bộ chỉ số giám sát, đánh giá Dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng	CN	Cấp Bộ	Năm 2020	Quyết định số 218/QĐ-KTHT-GN ngày 26/6/2020 của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ; Biên bản nghiệm thu nhiệm vụ ngày 30/12/2020.
27	CT: Nhân rộng mô hình trồng khoai tây hàng hóa tại huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng (Cung cấp dịch vụ đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật, giống và thực nghiệm dự án trồng cây khoai tây Bliss tại xã Phi Hải, Cai Bộ, Độc Lập, Quảng Hưng)	CN	Cấp Bộ	Năm 2020	Hợp đồng đặt hàng số 10; 11;12; 13/HĐĐH ngày 21/10/2020 về cung cấp dịch vụ đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật, giống và thực nghiệm dự án; Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng ngày 25/12/2020.
28	CT: Hội thảo: “Tăng cường khả năng tiếp cận và phổ cập dữ liệu nông nghiệp bằng cách sử dụng ngữ nghĩa học - AGRIS ở Đông Nam Á”	CN	FAO Ý	Năm 2020	Hợp đồng ngày 20/12/2019; Báo cáo kết quả nghiệm thu ngày 5/11/2019.
29	CT: Tập huấn cho cán bộ triển khai triển khai, thực hiện chương trình và xây dựng dự án nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng năm 2021	CN	Cấp Bộ	Năm 2021	Quyết định 83/QĐ-KTHT-GN ngày 23/7/2021 của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT phê duyệt kế hoạch; Biên bản nghiệm thu ngày 20/1/2022.
30	CT: Truyền thông về Lao động trẻ em trong nông nghiệp	CN	FAO Ý	Năm 2021	Hợp đồng ngày 26/11/2021; Báo cáo nghiệm thu 30/12/2021.
31	CT: Tập huấn cho cán bộ (tỉnh, huyện, xã) xây dựng dự án và thực hành nông	CN	Cấp Bộ	Năm 2022	Quyết định số 157/QĐ-KTHT-GN ngày 19/9/2022

	nghiệp đảm bảo dinh dưỡng năm 2022				của Cục kinh tế hợp tác và PTNT phê duyệt kế hoạch.
32	CT: Hội thảo quốc gia về giải pháp xây dựng chuỗi giá trị trong các mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng cho người dân tại vùng khó khăn	CN	Cấp Bộ	Năm 2022	Quyết định số 255/QĐ-KTHT-GN ngày 21/10/2022 của Cục kinh tế hợp tác và PTNT phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ.
33	CT: Mô hình điểm về liên kết chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ bảo quản tiên tiến trong nuôi cá lóc bạt quy mô nông hộ đảm bảo an ninh dinh dưỡng cho người dân tại vùng khó khăn tỉnh Phú thọ	CN	Cấp Bộ	Năm 2022	Quyết định số 156/QĐ-KTHT-GN ngày 19/9/2022 của Cục kinh tế hợp tác và PTNT phê duyệt đề cương dự án.
34	CT: Phi Dự án Cố vấn phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp cho Học viện Nông nghiệp Việt Nam	CN	JICA –Cấp Bộ	Năm 2022	Quyết định số 07/QĐ-BNN-HTQT ngày 5/1/2022 phê duyệt văn kiện Phi dự án.
35	CT: Thí điểm phát triển mô hình giảm nghèo liên kết chăn nuôi dê theo hướng công nghiệp tại tỉnh Hòa Bình	CN	Cấp Bộ	Năm 2022	Hợp đồng số 02 /HĐK; 03/HĐKT; 04/HĐKT; 05/HĐKT; 06/HĐKT ngày 28/9/2022; Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng ngày 31/12/2022.
36	CT: Xây dựng bài giảng bồi dưỡng kỹ năng dạy học cho nhà giáo, nghệ nhân, thợ giỏi, cán bộ khuyến nông tham gia dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	CN	Cấp Bộ	Năm 2022	Quyết định số 353/QĐ-KTHT-NNNT ngày 7/12/2022 của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1)	Equitability in Access to Rural Public Services in Vietnam: An Outlook from the Red River Delta	5		International Business and Management		7	Vol. 2, No.1.2011, pp 209-218	2011
2)	Thực trạng tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện của nông dân tỉnh Thái Bình	2	X	Tạp chí Khoa học và Phát triển		4	Tập 12, Số 6, Trang 853-861	2014
3)	Phân tích nguyên nhân ảnh hưởng tới nhu cầu tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện của nông dân tỉnh Thái Bình	4	X	Tạp chí Bảo hiểm xã hội Việt Nam			Số 2 (264), Trang 16-18	2014
4)	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia xây dựng và sử dụng nhãn hiệu tập thể Tỏi Thái Thụy của hộ nông dân trồng tỏi tỉnh Thái Bình	6		Khoa học và Phát triển			Tập 12, Số 8, Trang 1342-1350	2014
5)	Nguyên nhân ảnh hưởng tới nhu cầu tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện của nông dân tỉnh Thái Bình	3	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo			Số chuyên đề Trang 45-49	2014
6)	Nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của hộ trồng chè tỉnh Phú Thọ	10		Tạp chí Kinh tế và Dự báo			Số 22 Trang 59-61	2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
7)	Giải pháp thu hút nông dân tỉnh Thái Bình tham gia bảo hiểm y tế	4	X	Tạp chí Bảo hiểm xã hội Việt Nam			Số 2 (272) Trang 16-20	2015
II	Sau khi được công nhận TS							
8)	Vietnam, the big market and cross bridges of illegal wildlife trade in Asia: causes and solutions	8	X	AgBioForum		1	Vol. 21(3): 35-47.	2019
9)	Using Double-Bounded Dichotomous-Choice to Estimate Households' Willingness to Pay for Improved Water Quality in Bac Ninh Province of Vietnam	4		Journal of Environmental Protection		5	Vol. 10, No. 11, P. 1407-1418	2019
10)	The Economic Value of Kimhy Reserve in Backan, Vietnam	3		Modern Economy			Vol. 11, p. 522-532	Feb. 2020
11)	The determinants of sustainable land management adoption under risks in upland area of Vietnam	4		Sustainable Futures	Elsevier	9	Vol. 2	Feb. 2020
12)	Vietnamese Agriculture before and after Opening Economy	8		Modern Economy		5	Vol. 11, p. 894	April, 2020
13)	Environmental and External Costs of Yali Hydropower Plant and Policy	9	X	Journal of Environmental Protection		1	Vol. 11, No. 4, P. 344-358	April, 2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Recommendations in Vietnam							
14)	Effects of Pesticides on Farmers' Health in Tu Ky District, Hai Duong Province, Viet Nam	4	X	Sustainable Futures	Elsevier ISI	16	Vol. 2	April, 2020
15)	Farmers' risk preferences and the determinants of risk preferences in upland areas of vietnam	5		Revista Argentina de Clínica Psicológica	ISI	3	Vol. 19, No. 3, P. 139-147	2020
16)	A Way Forward To Promote The Farming Contracts Between Firms and Farmers In Cultivation Productions: A Case Study of Vietnam	7	X	Revista Argentina De Clinica Psicologica	ISI	2	Vol. 19, No. 5, P. 731-742	Oct. 2020
17)	Development of high-tech agriculture in the context of industrialization and urbanization: The case of Vietnam	3		Vietnam Journal of Agricultural Sciences		4	No. 3, Vol. 3, P. 663-678	Nov. 2020
18)	Evaluating the Group Lending Development at the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development: A Case Study in Bac Giang Branch II	5		Vietnam Journal of Agricultural Sciences			No. 3, Vol. 13, P. 679-688	Nov. 2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
19)	Operations management and performance: a mediating role of green supply chain management practices in MNCs	6		Polish journal of management studies		4	No.2, Vol. 22, P. 309-323	Dec. 2020
20)	Economic Basis of the Applied Fourth Industrial Revolution on Agricultural Land Allocation and Social Welfare	10		Journal of Business and Economics, January 2021,	ISSN 2155-7950, USA		Volume 12, No. 1, pp. 23-35	2021
21)	Effects of Health Insurance Eligibility Expansion on Household Consumption in Vietnam	8		PalArch's Journal of Archaeology of Egypt/Egyptology			No. 4, Vol. 18, P. 3529-3551	2021
22)	Clean Development Mechanism (CDM)-based Development of Grid-connected Rice Husk-fuelled Bio-power Plants in Mekong Delta, Vietnam	10		Research Square		1		2021
23)	The Role of Opportunity Exploration, Exploitation and Corporate Social Responsibilities on Sustainable Manufacturing Business	7		Studies of Applied Economics		1	No. 1, Vol. 40	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Performance in Mekong River Delta							
24)	Consumption channels for Dried green tea: A case study in Viet	3	X	Journal of Law and Political Sciences	ISI		Vol. (30), issue 1- 2022 P. 2518-5551	2022
25)	Impact of trained human resources, adoption of technology and international standards on the improvement of accounting and auditing activities in the agricultural sector in Viet Nam	7		AgBioForum	Scopus	24	No. 1, Vol. 24, P. 59-71	2022
26)	Households' Willingness-to-Pay to Reduce the Use of Plastic Bags: Case Study in Viet Nam	6		Journal of Environmental Protection			No. 3, Vol. 13, P. 289-298	2022
27)	Performance of agricultural cooperatives led by women in Vietnam	5		International Journal of Health Sciences	Scopus		No. 6 (S2), 15081–15092	2022
28)	External Finance Policies For Dairy Farmers In A Fresh Milk Value Chain: A Case Study In Vietnam.	3	X	Journal of Law and Political Sciences	ISI		No. 13, Vol. 36, P. 242	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
29)	The role of eco-innovation, eco-investing, and green bonds in achieving sustainable economic development: evidence from Vietnam	8		Economic Research-Ekonomska Istraživanja	ISI		No. 2, Vol. 36, P. 2169839	2023
30)	Macro Factors Affecting Unemployment And Application for Labor Laws of Vietnam	4	X	Journal of Law and Political Sciences	ISI		Vol. 38, Issue 3, P. 42-65	2023
31)	Về bài kế toán điều chỉnh một số nghiệp vụ kinh tế khi phát hiện sai sót	2		Kế toán và kiểm toán Việt Nam			Trang 59-61	2017
32)	Cơ sở kinh tế không tăng thuế suất cao và lũy tiến đều cho một ngành	4		Tạp chí Nghiên cứu kinh tế			Số 10 (473)	2017
33)	Giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về viễn thông trên địa bàn tỉnh Thái Bình	4		Tạp chí Kinh tế và Dự báo			Số 32 Trang 52-54	2017
34)	Cơ sở kinh tế về tổn thất phúc lợi xã hội của chính sách trợ cấp lắp đặt thiết bị giảm tải	2		Tạp chí Nghiên cứu kinh tế			Số 10 (485)	2018
35)	Cơ sở kinh tế ảnh hưởng của cách mạng công nghệ 4.0 đến phân phối tài nguyên đất nông	2		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, Viện			Số 1 (488), trang 35-45	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	ngiệp và phúc lợi xã hội			Kinh tế Việt Nam				
36)	Thực trạng vay và sử dụng vốn vay ưu đãi của sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2		Khoa học Nông nghiệp Việt Nam			Số 16 (12), trang 1120-1130	2019
37)	Yếu tố ảnh hưởng tới quyết định vay vốn và hiệu quả sử dụng vốn vay ưu đãi của sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam	3		Khoa học Nông nghiệp Việt Nam			Tập 17, Số 4, Trang 332-342	2019
38)	Đánh giá thực trạng việc làm của lao động nông thôn sau đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	3		Khoa học Nông nghiệp Việt Nam			Số 17 (10), Trang 881-889	2019
39)	Tài chính chuỗi giá trị nông nghiệp: Lý luận, thực tiễn và khuyến nghị	3		Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số 1 (1), Trang 3-12	Tháng 1, 2020
40)	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng công tác kế toán tại Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội tỉnh Thái Bình	2		Kế toán & Kiểm toán			Số 4 (199), trang 61-65	Tháng 3, 2020
41)	Cân bằng cán cân thanh toán (Balance of Payment - BOP): các yếu tố ảnh hưởng cơ bản	4		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế			Số 3 (502), trang 21-27	Tháng 3, 2020

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 8, 13, 14, 16, 24, 28, 30.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

-Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

VŨ NGỌC HUYỀN